TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2024/HS-ST
Ngày: 15/9/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Quý Long**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Huy Điệu**;
2. Ông **Nguyễn Tất Trọng**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Văn Hùng –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương *tham gia phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Yến**- Kiểm sát viên.

Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần:

- Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang;
- Ông Nguyễn Thành Trung- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương;
- Ông Nguyễn Văn Sơn - Cán bộ Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Ngày 15 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương và điểm cầu thành phần tại Phòng xét xử Trại tạm giam Công an tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 35/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST- HS, ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Trịnh Văn D, sinh năm 1994 tại Hải Dương; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông (không xác định) và bà Trịnh Thị Đ; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/6/2024 đến ngày 05/6/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H cho đến nay. Có mặt tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh H.

- *Những người làm chứng*: Anh Bùi Văn H; Ông Vũ Đình S1. Đều vắng mặt tại điểm cầu trung tâm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 02/06/2024, Trịnh Văn D đi đến ngã ba Q, huyện T, tỉnh Hải Dương chơi thì gặp người bạn xã hội tên P (mới quen biết, không xác định được địa chỉ của P), D mượn chiếc xe mô tô loại Dream màu nâu, không nhớ biển kiểm soát của P (D không bảo P mượn đi đâu, làm gì, P cũng không hỏi), P đồng ý.

D điều khiển xe đến nhà Bùi Văn H, sinh năm: 1990, ở thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương là bạn bè xã hội với D để chơi. Lúc này, có vợ H là chị Vũ Thị Y, sinh năm:1996 và mẹ H là bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1971 đều ở thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương có ở nhà nhưng ở trong phòng riêng, không ra ngoài, không biết D đến gặp gỡ H. Tại nhà H, D bảo H cho mượn chiếc điện thoại để đi có việc, H đưa cho D mượn 01 chiếc điện thoại Iphone 8, màu vàng (D không nhớ số điện thoại) của H rồi D đi đâu làm gì thì H không biết.

Sau đó, D một mình điều khiển xe mô tô Dream đi từ nhà H qua ngã ba Q đến khu vực đường T, quận L, TP . để mua ma túy. D biết ở khu vực này có người bán ma tuý vì trước đó nghe bạn bè xã hội nói cứ đến khu vực này thấy người đàn ông ôm con chó đứng đầu ngõ thì hỏi mua được ma túy (không nhớ là ai nói). Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến khu vực đầu ngõ (không nhớ ngõ gì) ở đường T, D thấy một người đàn ông khoảng 38 tuổi, mặc quần đùi, đứng ở đầu ngõ, ôm con chó (không xác định được là ai). D bảo người này: "Anh bán cho em 1 quả" - tức là bảo người này bán cho một gói ma túy Heroin. Người này không nói gì, lấy trong người ra đưa cho D 01 gói giấy, D biết bên trong gói giấy là ma tuý Heroin nên cầm gói giấy và đưa cho người này 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. D cất gói ma túy vào trong chiếc ví da màu vàng rồi đút vào túi quần, phía sau đang mặc. Trên đường về, D đi vào một nghĩa địa ở khu vực Hải Phòng (không nhớ địa chỉ cụ thể), nhặt một tờ giấy ở đường, xé làm 03 mảnh, bỏ gói ma tuý vừa mua được ra dùng móng tay bấm, chia nhỏ cục ma túy mua được thành 03 phần cho vào 03 mảnh giấy rồi gấp lại thành hình chữ nhật và cho 03 gói giấy ma túy này vào chiếc ví da, cất giấu ở túi quần sau D mặc rồi điều khiển xe đi về khu vực ngã ba Q trả xe cho P. Sau đó, đi tìm hiệu thuốc mua được 03 chiếc xi-lanh hết 10.000 đồng (không nhớ hiệu thuốc nào) và bắt xe buýt về thị trấn N. Đến khoảng 11 giờ 30 ngày 02/6/2024, D xuống xe buýt, đang đi bộ trên đường T, khu vực gầm cầu C thuộc khu A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương thì bị lực lượng Công an huyện N kết hợp với Công an thị trấn N kiểm tra, bắt quả tang D có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma tuý. Thu giữ, quản lý và niêm phong tang vật có liên quan, gồm: 03 (Ba) gói giấy, cùng có đặc điểm màu trắng, hình chữ nhật, kích thước các gói như sau: 01 gói kích thước 02cm x 1,5cm; 01 gói kích thước 1,6cm x 01cm; 01 gói kích thước 1,5cm x 01cm. Bên trong 03 gói giấy này đều chứa chất rắn, dạng

cục, màu trắng. D thừa nhận đây là ma tuý loại Heroin mà D vừa mua được ở thành phố Hải Phòng mục đích để sử dụng. Ngoài ra, Cơ quan Công an còn quản lý, niêm phong đồ vật tài sản do D tự nguyện giao nộp gồm: 01 (một) chiếc ví giả da màu vàng, hình chữ nhật, kích thước 20cm x 12,5cm, là chiếc ví D sử dụng để cất giấu 03 gói giấy chứa ma tuý Heroin; 03 xi lanh, bằng nhựa, có kim tiêm, được bọc kín trong túi nilong, đều có đặc điểm loại 3ml/cc, kim 25Gx1", chưa qua sử dụng; Số tiền 190.000 đồng (Một trăm chín mươi nghìn đồng) gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 8, màu vàng, số IMEI: 353003099538032, lắp sim số: 0345856854, số seri sim: 8984048000930762466, là điện thoại Dương mượn của H trước khi đi mua ma tuý; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI 1: 357723106832377, số IMEI 2: 357723106832385, lắp sim số: 0386848600, số seri sim: 8984048000902335295, là điện thoại của D mang theo nhưng do điện thoại hết tiền không gọi được.

Tại Kết luận giám định số 280/KL-KTHS ngày 03/06/2024 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận: Mẫu chất bột (dạng cục) màu trắng trong ba gói giấy màu trắng được niêm phong trong phong bì đánh số 01 tổng khối lượng là 0,355g (Không phẩy ba trăm năm mươi lăm gam), gửi giám định **là ma túy, loại Heroine**, có tên khoa học là: Diacetymorphine, được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/08/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Tại kết luận số 122/KL-KTHS ngày 26/6/2024 của của Phòng K Công an tỉnh H kết luận: các tờ tiền gửi giám định (ký hiệu A1- A5) là tiền thật.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKS-NG, ngày 21/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện N truy tố bị cáo Trịnh Văn D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa:

- Đại diện VKSND huyện Ninh Giang giữ quyền công tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS. Đề nghị: Xử phạt bị cáo D từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 02/6/2024; Hình phạt bổ sung: Không. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2, 3 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,259 gam ma tuý, loại Heroin; 03 mảnh giấy mầu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật đánh số 1 gửi đến giám định, được niêm phong lại tại phong bì dán kín niêm phong số 280/KL- KTHS được hoàn lại sau giám định; 01 ví giả da màu vàng, hình chữ nhật, kích thước (20 x 12,5) cm; 03 xi lanh bằng nhựa, có kim tiêm, được bọc kín trong túi nilong, đều có đặc điểm loại 3ml/cc, kim 25Gx1, chưa qua

sử dụng. Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, lắp sim số 0386848600; Trả lại bị cáo số tiền 190.000 đồng (01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng) nhưng quản lý để bảo đảm thi hành án; Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo bị kết án phải chịu phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố và luận tội của đại diện viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng, đề nghị HĐXX xử phạt cho bị cáo ở mức hình phạt thấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, VKSND huyện Ninh Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trịnh Văn D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX đủ cơ sở kết luận: Hồi 11 giờ 30 phút ngày 02/6/2024, tại đường T khu vực gầm cầu C thuộc khu A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương, Trịnh Văn D có hành vi Tàng trữ trái phép 0,355g (Không phẩy ba trăm năm mươi năm gam) ma túy, loại Heroine, mục đích để D sử dụng cho bản thân thì bị lực lượng Công an huyện N tiến hành kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, chế độ quản lý đặc biệt đối với chất ma túy của Nhà nước. Mặc dù, bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. HĐXX thấy cần có mức hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam thì mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và đấy tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. HĐXX sẽ xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma tuý, không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp với khoản 5 Điều 249 BLHS.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 0,259 gam ma tuý, loại Heroin; 03 mảnh giấy mầu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật đánh số 1 gửi đến giám định, được niêm phong lại tại phong bì dán kín niêm phong số 280/KL- KTHS được hoàn lại sau giám định; 01 ví giả da màu vàng, hình chữ nhật, kích thước (20 x 12,5) cm; 03 xi lanh bằng nhựa, có kim tiêm, được bọc kín trong túi nilong, đều có đặc điểm loại 3ml/cc, kim 25Gx1, chưa qua sử dụng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành, công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, lắp sim số 0386848600 và số tiền 190.000 đồng (01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng) được niêm phong lại tại phong bì số 122/KL- KTHS được hoàn lại sau giám định không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, lắp sim số 0386848600; trả lại bị cáo số tiền 190.000 đồng (Một trăm chín mươi nghìn đồng) nhưng quản lý để bảo đảm thi hành án là phù hợp quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, 3 Điều 106 BLTTHS.

[7] Các vấn đề khác:

Quá trình điều tra Trịnh Văn D khai: Khi đến nhà H thì H bảo D: "Đi lấy hộ ít đồ", D hiểu ý H bảo D đi mua ma túy về để cùng sử dụng. D đồng ý bảo "vâng". H đưa cho D 400.000 đồng gồm 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng để đi mua ma túy và bảo D mua thêm cho H mấy cái xi-lanh. Tuy nhiên, H phủ nhận việc đưa tiền cho D, bảo D đi mua ma tuý và xi-lanh. H chỉ thừa nhận sáng ngày 02/6/2024, D đến nhà H chơi một lúc, rồi mượn điện thoại H, sau đó D đi đâu, làm gì H không biết. Do vậy, đối với Bùi Văn H quá trình điều tra do không có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh việc H đưa tiền cho D và bảo D đi mua ma tuý nên không có căn cứ xử lý đối với H.

Đối với người đàn ông bán ma tuý cho D, do không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ để xử lý. Người tên P không xác định được nhân thân, lai lịch và theo D trình bày P cho D mượn xe mô tô nhưng không biết D sử dụng xe để đi mua ma tuý nên không đặt ra việc xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c khoản 2, 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Văn D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn D: **01** *(Một)* năm **03** *(Ba)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 02/6/2024.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 0,259 gam ma tuý, loại Heroine; 03 mảnh giấy mầu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật đánh số 1 gửi đến giám định, được niêm phong lại tại phong bì dán kín niêm phong số 280/KL- KTHS được hoàn lại sau giám định; 01 ví giả da màu vàng, hình chữ nhật, kích thước (20 x 12,5) cm; 03 xi lanh bằng nhựa, có kim tiêm, được bọc kín trong túi nilong, đều có đặc điểm loại 3ml/cc, kim 25Gx1, chưa qua sử dụng.

- Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, lắp sim số 0386848600. Trả lại bị cáo số tiền 190.000 đồng (01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng).

(*Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa* Công an huyện N *và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang ngày 27/8/2024*).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trịnh Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Cơ quan CSĐT-Công an huyện Ninh Giang;
- Cơ quan THAHS-Công an tỉnh Hải Dương;
- Công an huyện Ninh Giang;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Bùi Quý Long